

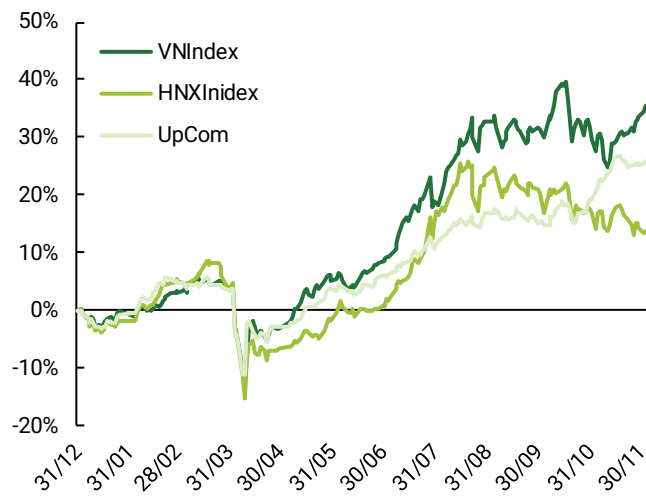
VN-Index **1717.06 (0.90%)**
741 Tr. cổ phiếu 22489.1 Tỷ VND (6.26%)

HNX-Index **258.87 (0.37%)**
69 Tr. cổ phiếu 1390.7 Tỷ VND (30.13%)

UPCOM-Index **119.7 (0.47%)**
27 Tr. cổ phiếu 536.2 Tỷ VND (12.40%)

VN30F1M **1947.00 (0.71%)**
256,239 HD OI: 38,915 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1717.1, tăng 15.4 điểm (+0.90%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên mua. Sắc xanh cũng lan tỏa ở VN30, cùng với HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm trụ tiếp tục nâng đỡ đà tăng của thị trường, dù chưa nổi bật nhưng mức lan tỏa đến các nhóm ngành, cổ phiếu đã có dấu hiệu cải thiện hơn.
Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Ngân hàng: TCB (+3.0%), EIB (+2.3%) | Dịch vụ tài chính: DSE (+3.1%), VND (+2.8%), CTS (+2.2%) | Bất động sản: VIC (+1.9%), TAL(+1.4%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (+6.9%), BAF (+1.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+5.8%), PAC (+3.2%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Tài nguyên Cơ bản: HHP (-2.5%), DHC (-2.1%), VPG (-1.9%) | Công nghệ Thông tin: CMG (-2.1%), ELC (-1.0%) | Bán lẻ: DGW (-1.1%)
Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VJC, TCB, VHM, GEE - Chiều giảm | VPB, LPB, REE, BSR, BID
Khối ngoại: Mua ròng hơn 630 tỷ, tập trung nhiều ở VJC, VIC, TCB, trong khi bán ròng ACB, VIX, VPI.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Hammer tại vùng 1690 – 1700, cho thấy lực cầu sẵn sàng hấp thụ ở mặt bằng giá cao và hàm ý tín hiệu củng cố nền giá mới trên ngưỡng 1700 điểm. Độ rộng thị trường có dấu hiệu cải thiện hơn là điểm sáng, khi sự phân hóa đã diễn ra liên tục các phiên gần đây với động thái "kéo trụ" nhưng không nhận được đồng thuận. Dù vậy, đà lan tỏa cần tiếp tục được mở rộng các phiên tới để củng cố động lực đi lên. Hiện hỗ trợ duy trì động lượng quanh mức 1680 điểm. Nếu vận động vẫn giữ trên ngưỡng này có thể kỳ vọng đà tăng tiếp tục tiến lên vùng cản 1750. Trường hợp suy yếu dưới ngưỡng này, khả năng chỉ số sẽ trở về lại khung dao động đi ngang quanh khu vực 1640 – 1680.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số kết phiên với mẫu hình nến Hammer cho thấy lực cầu nâng đỡ tốt tại vùng đáy gần quanh ngưỡng 256. Tuy nhiên, thanh khoản ở mức thấp hàm ý động lực chưa thuyết phục, trạng thái khả năng vẫn còn giằng co.
- Chiến lược chung:** Vị thế nghiêng về nắm giữ với tỷ trọng trung bình. Độ rộng thị trường chỉ vừa cải thiện trong khi mức phân hóa vẫn còn cao, NĐT nên tập trung vào danh mục hiện có để cơ cấu phù hợp. Ở chiều mua mới, chỉ nên hành động khi cổ phiếu vượt cản với dòng tiền xác nhận. Theo dõi thêm sự đồng thuận từ nhóm MidCap sẽ củng cố hơn cho điểm tham gia. Một số nhóm ngành đang kiểm định hỗ trợ nổi bật như Ngân hàng, Dầu khí, Tiêu dùng, Tiện ích.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Chốt lời SAB – Mua NTP (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa		% Thay đổi		Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với					
			(%) 1D	(%) 1W		(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số															
VN-Index	1,717.1	📉	0.90%	3.4%	4.7%	22,489.1	📈	6.3%	-16.8%	-18.8%	740.9	📈	8.4%	-19.0%	-12.5%
HNX-Index	258.9	📉	0.4%	0.6%	-2.6%	1,390.7	📈	30.1%	-26.4%	-24.3%	69.4	📈	26.5%	-16.0%	-16.1%
UPCOM-Index	119.7	📉	0.47%	0.7%	5.5%	536.2	📈	12.4%	-29.8%	-44.1%	27.4	📈	6.8%	-29.9%	-57.1%
VN30	1,950.1	📉	0.9%	2.1%	3.4%	13,177.7	📈	3.2%	-13.8%	-7.4%	306.0	📈	10.7%	-24.8%	-5.4%
VNMID	2,286.0	📉	0.2%	1.7%	-2.6%	7,331.1	📈	13.5%	-25.6%	-33.7%	282.3	📈	14.5%	-26.6%	-25.8%
VNSML	1,507.5	📉	0.13%	0.5%	-2.2%	1,105.5	📈	9.2%	-18.3%	-39.8%	74.9	📉	-6.9%	-19.1%	-32.2%
Theo ngành (VNIndex)															
Ngân hàng	617.9	📉	0.50%	-0.89%	-2.2%	4,995.4	📈	17.77%	-7.8%	-4.7%	205.4	📈	13.8%	-7.9%	-2.6%
Bất động sản	731.0	📈	1.2%	6.7%	20.0%	5,526.0	📉	-5.8%	4.2%	36.9%	127.3	📈	20.0%	2.6%	-1.2%
Dịch vụ tài chính	314.8	📈	1.1%	-1.4%	-4.5%	3,100.5	📈	15.7%	-14.1%	-6.8%	117.3	📈	10.0%	-14.7%	-5.3%
Công nghiệp	289.4	📈	1.6%	9.1%	6.1%	1,296.2	📈	3.8%	-31.9%	-12.4%	31.8	📈	12.6%	-30.7%	-12.7%
Tài nguyên cơ bản	525.8	📉	0.0%	-2.0%	-0.6%	924.5	📈	4.5%	4.3%	-13.3%	41.9	📈	3.0%	7.7%	-9.3%
Xây dựng - Vật Liệu	191.0	📉	0.3%	-0.3%	-1.1%	1,050.2	📈	45.4%	8.9%	-1.8%	46.3	📈	33.7%	8.6%	0.7%
Thực phẩm	573.6	📉	0.9%	1.9%	4.5%	1,660.1	📉	-17.3%	-5.1%	5.9%	39.5	📉	-16.6%	-21.8%	-10.4%
Bán Lẻ	1,481.5	📉	0.1%	1.2%	-1.9%	628.8	📈	50.6%	20.0%	-6.0%	10.1	📈	61.9%	29.4%	5.4%
Công nghệ	515.5	📉	-0.1%	-2.4%	-6.0%	571.9	📈	3.1%	-18.3%	-34.9%	7.3	📉	-49.7%	-23.2%	-30.6%
Hóa chất	169.2	📈	2.47%	-2.1%	-4.1%	464.6	📈	41.2%	18.6%	-18.8%	15.1	📉	-4.9%	2.7%	-13.6%
Tiện ích	675.8	📉	0.4%	2.6%	2.5%	329.2	📉	-31.0%	-11.1%	14.4%	13.5	📉	-17.9%	-22.6%	-4.6%
Dầu khí	72.7	📉	-0.02%	0.1%	-2.7%	274.2	📉	-23.8%	-59.5%	-52.9%	12.0	📉	-13.6%	-53.9%	-48.7%
Dược phẩm	428.3	📉	0.3%	1.8%	-0.8%	97.2	📈	16.7%	36.6%	38.1%	6.2	📉	0.2%	45.5%	88.8%
Bảo hiểm	86.7	📉	0.4%	-2.8%	1.1%	38.7	📉	-0.8%	27.9%	-12.1%	1.2	📉	-28.9%	-2.0%	-18.3%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,717.1	0.90%	35.5%	16.5x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,278	0.1%	-8.8%	13.6x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,617	0.8%	21.7%	21.4x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,031	0.3%	-4.4%	15.9x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,994	0.1%	-8.2%	10.0x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,898	-0.42%	16.3%	18.6x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	26,095	0.2%	30.1%	13.0x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	49,303	0.00%	23.6%	21.7x	2.4x
S&P 500	Mỹ	6,813	-0.5%	15.8%	27.1x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	47,289	-0.9%	11.2%	24.1x	4.8x
FTSE 100	Anh	9,726	0.2%	19.0%	14.6x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,699	0.6%	16.4%	17.0x	2.4x
DXV		99.5	0.06%	-8.3%		
USDVND		26,376	0.027%	3.5%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

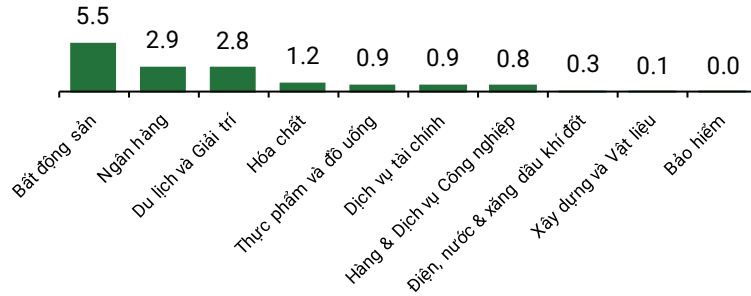
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.2%	-3.1%	-15.5%	-12.2%
Dầu WTI	▲	1.4%	-2.7%	-17.2%	-12.8%
Khí gas	▬	0.9%	18.6%	34.7%	52.3%
Than cốc (*)	▼	-3.1%	3.4%	-4.3%	-9.9%
Thép HRC (*)	▬	0.5%	-1.0%	-4.5%	-6.6%
PVC (*)	▬	0.0%	-3.2%	-10.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▼	-5.7%	-8.1%	5.0%	13.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-4.2%	1.1%	-12.7%	-12.1%
Bông Cotton	▼	-0.1%	-4.1%	-8.1%	-13.3%
Đường	▼	-2.7%	2.6%	-23.2%	-29.8%
World Container Index	▼	-2.5%	-0.8%	-52.5%	-45.8%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-2.5%	-0.3%	54.5%	60.9%
Vàng	▼	-1.3%	4.5%	59.5%	58.6%
Bạc	▬	0.9%	17.1%	97.3%	86.8%

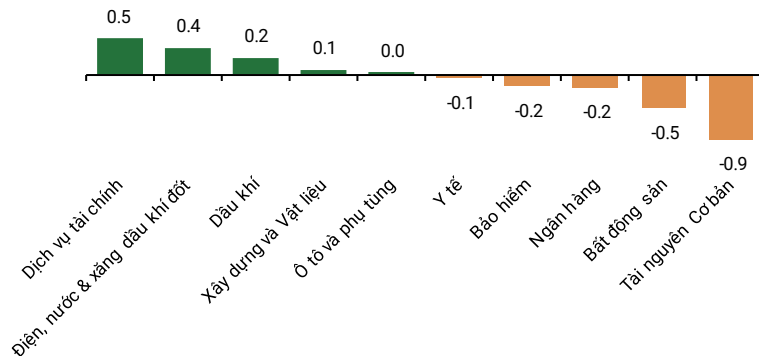
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

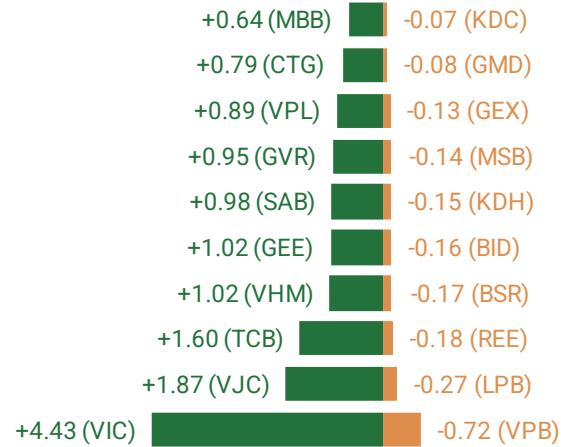
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



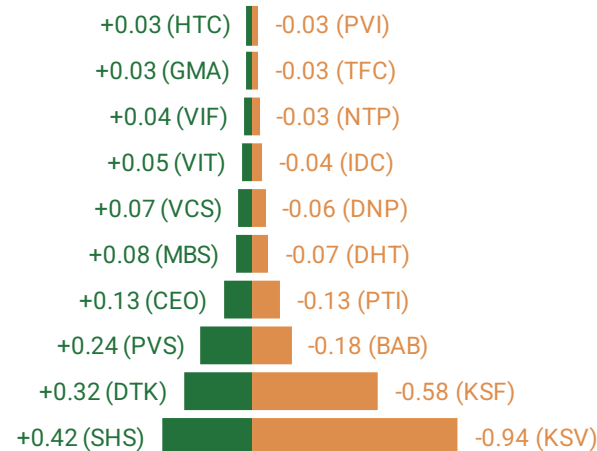
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

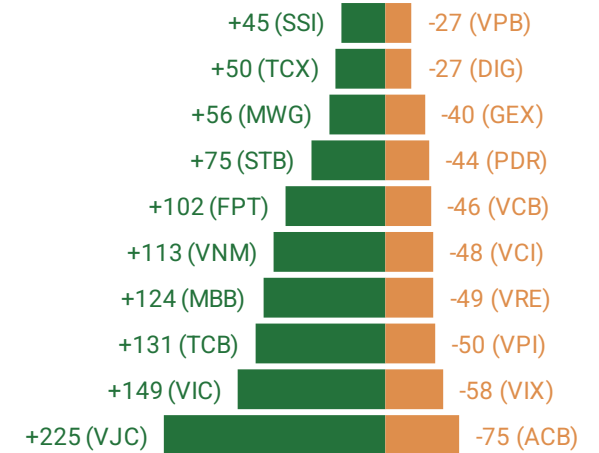


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

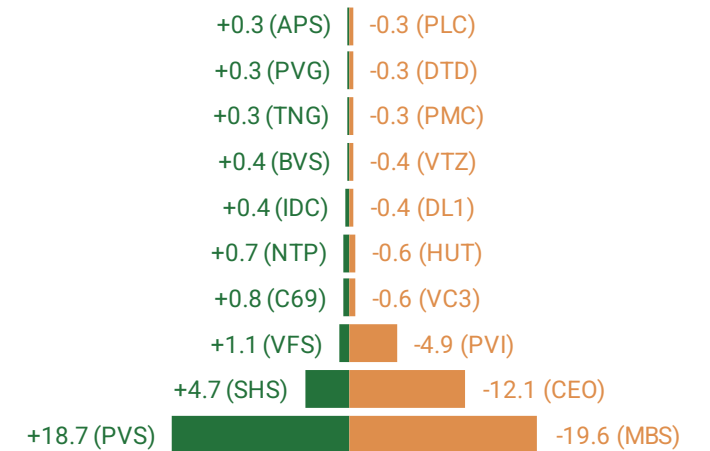


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

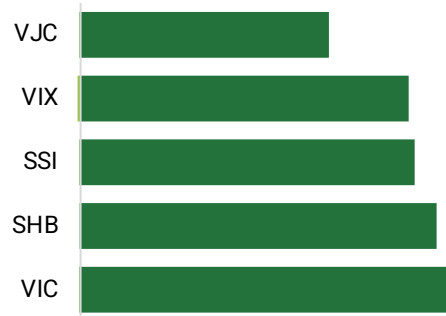
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	SHB	SSI	VIX	VJC
%DoD	1.9%	0.0%	0.9%	-0.2%	6.9%
Giá trị	1,112	1,078	1,007	989	754

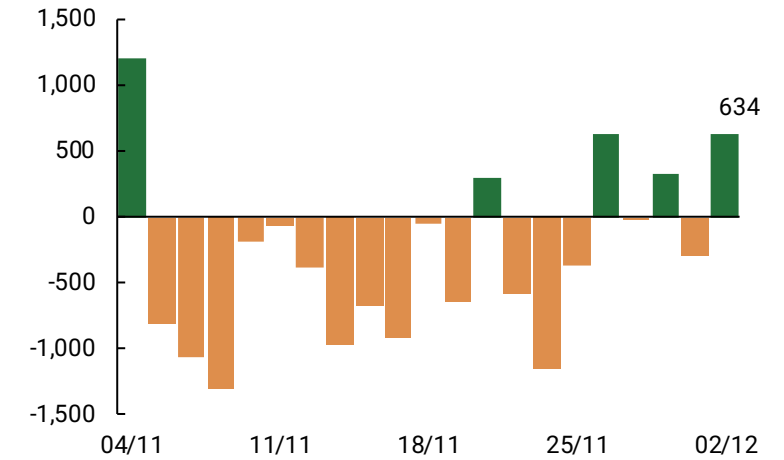
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	TCB	SHB	MWG	HDB
%DoD	1.9%	3.0%	0.0%	0.0%	1.6%
Giá trị	1,558	88	76	69	57

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



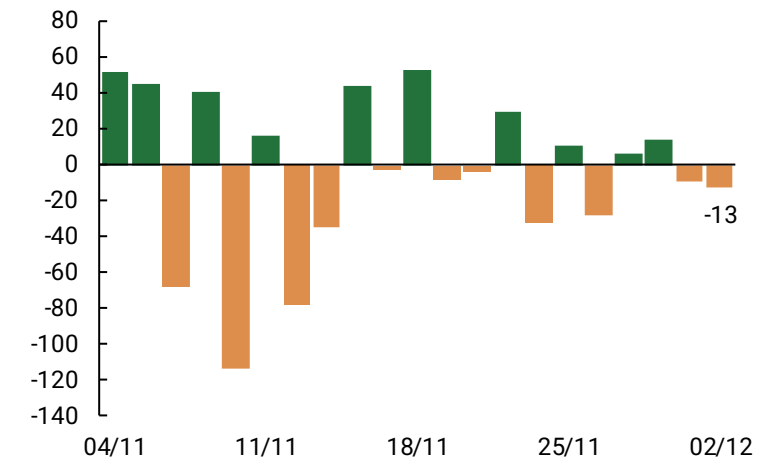
	SHS	CEO	PVS	MBS	IDC
%DoD	3.9%	1.6%	2.5%	0.7%	-0.5%
Giá trị	333	329	134	92	67

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	VFS	KSV	HUT	TVC	TIG
%DoD	0.0%	-6.7%	0.0%	-1.1%	0.0%
Giá trị	109	50	9	5	5

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Hammer, vol ngang bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 - 1680.
- ✓ Kháng cự: 1750
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

Kịch bản: Với mẫu hình nến Hammer tại ngưỡng 1690 – 1700 cho thấy lực cầu chấp nhận tham gia ở vùng giá cao và tín hiệu củng cố nền giá mới trên ngưỡng 1700 điểm. Nếu vận động vẫn được giữ trên ngưỡng 1680 có thể kỳ vọng đà tăng tiếp tục tiến lên vùng cản 1750. Trường hợp vận động suy yếu dưới ngưỡng này, khả năng chỉ số sẽ trở về lại khung dao động đi ngang quanh khu vực 1640 – 1680.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Hamer, vol trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1850 - 1880.
- ✓ Kháng cự: 1940 - 1960.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

➔ Nhóm trụ lớn trở lại vai trò nâng đỡ giúp VN30 đóng cửa bao phủ nến Shooting Star phiên trước, cùng với thanh khoản tăng hàm ý động lực mua lên mạnh hơn phía bên cung. Dù vậy, vận động vẫn nằm trong vùng cản 1940 – 1960 nên trạng thái rung lắc có lẽ còn tiếp diễn. Nếu vượt cản 1960, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên mốc 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	SAB	TAKE PROFIT	Current price	52.4		P/E (x)	15.5
Exchange	HOSE		Action price	47.4	10.5%	P/B (x)	3.0
Sector	Brewers		Take profit price (3/12)	52.4	10.5%	EPS	3373.4
						ROE	18.9%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá chạm vùng mục tiêu 51 - 52.
 - Chỉ báo RSI vượt lên mức quá mua cao trên 80 dễ khiến động lượng tăng chững lại.
 - Đà đi lên dốc cho thấy trạng thái tăng nước rút dễ bị đảo chiều nhanh, khả năng sẽ có hạ nhiệt để củng cố lại đà.
- ➔ Xu hướng có thể điều chỉnh.
- ➔ Khuyến nghị Chốt lời quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	NTP	BUY	Current price		64.2	P/E (x)	10.9	
			Action price	03/12	64.2	P/B (x)	2.73	
Exchange	HNX					EPS	5885.0	
			Target price		71	10.6%	ROE	26.6%
Sector	Building Materials & Fixtures		Cut loss		61	-5.0%	Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt lên trở lại MA20 và đang củng cố dao động.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và trở lại miền dương, cùng với RSI cũng cải thiện lên trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 sẽ giúp nâng đỡ xu hướng trung hạn.
 - Thanh khoản cải thiện.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh và kỳ vọng trở lại quán tính tăng.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SAB	Chốt lời	03/12/2025	52.4	47.4	10.5%	51.0	7.6%	45.5	-4.0%	Chạm giá mục tiêu
2	NTP	Mua	03/12/2025	64.2	64.2	0.0%	71.0	10.6%	61	-5.0%	Duy trì nền giá tốt

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PC1	Nắm giữ	18/11/2025	02/12/2025	23.20	22.5	3.1%	25.0	11.1%	21.0	-6.7%	
2	KDH	Mua	27/11/2025	-	33.55	35.4	-5.2%	39.0	10.2%	33.0	-6.8%	
3	PHR	Mua	28/11/2025	-	57.00	56.60	0.7%	64.0	13.1%	53.0	-6.4%	
4	DGW	Mua	01/12/2025	-	43.10	43.7	-1.4%	50.0	14.4%	40.0	-8.5%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1947, tăng 13.8 điểm (+0.7%). Giá mở cửa tạo "gap giảm" và áp lực điều chỉnh chi phối trong phiên sáng, nhưng đà tăng đã trở lại với phe Long chiếm ưu thế hơn trong phiên chiều.
- Ở đồ thị 15 phút**, chỉ báo RSI đã tiếp cận mức quá mua cao, cùng với trạng thái đi lên dốc khả năng sẽ cần hạ nhiệt để củng cố lại đà. Thêm vào đó, khu vực 1950 – 1955 cũng đang là vùng cản mạnh. Vị thế Long có thể chờ khi giá điều chỉnh kiểm định lại vùng hỗ trợ quanh 1936 - 1940. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1930.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1844.9, tăng 13.8 điểm (+0.8%). Độ lệch basis 2.5 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 121 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1835 - 1840, trong khi kháng cự là vùng 1850 - 1860.

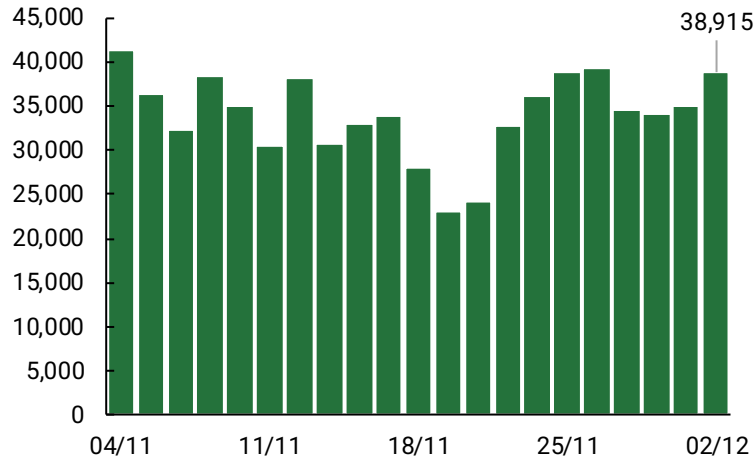
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.940	1.950	1.932	10 : 08
Short	< 1.930	1.920	1.937	10 : 07

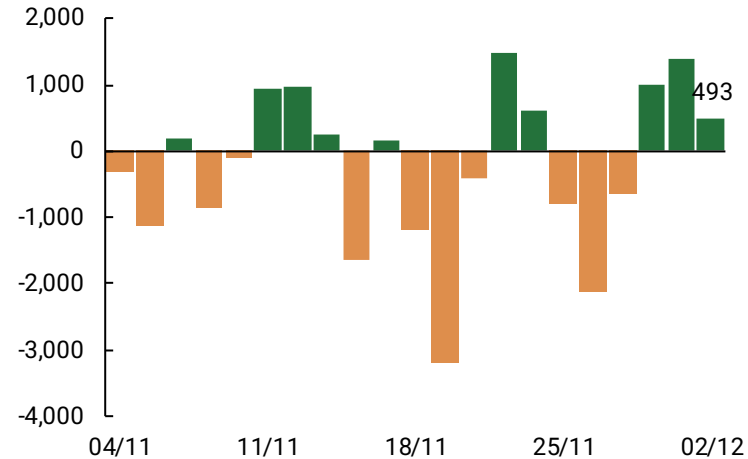
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,937.0	8.8	40	221	1,960.7	-23.7	18/06/2026	198
41I1G3000	1,940.0	11.9	35	364	1,955.8	-15.8	19/03/2026	107
41I1G1000	1,942.2	9.5	470	711	1,952.5	-10.3	15/01/2026	44
VN30F2512	1,947.0	13.8	256,239	38,915	1,951.0	-4.0	18/12/2025	16
41I2FC000	1,844.9	13.8	121	50	1,848.2	-3.3	18/12/2025	16

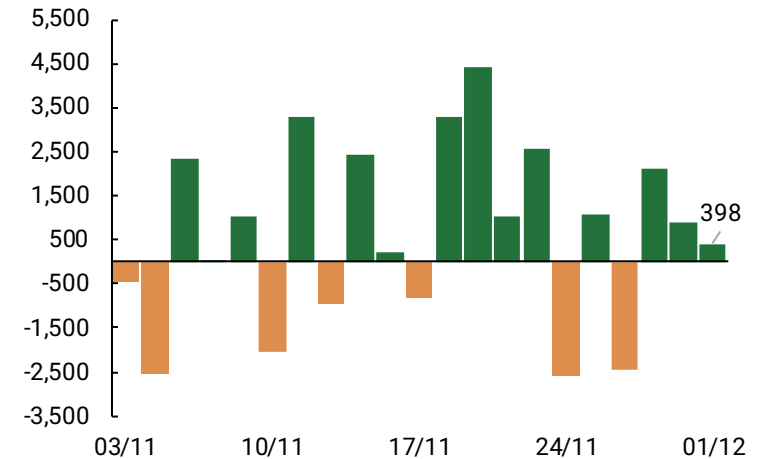
Khối lượng mở (Open interest)



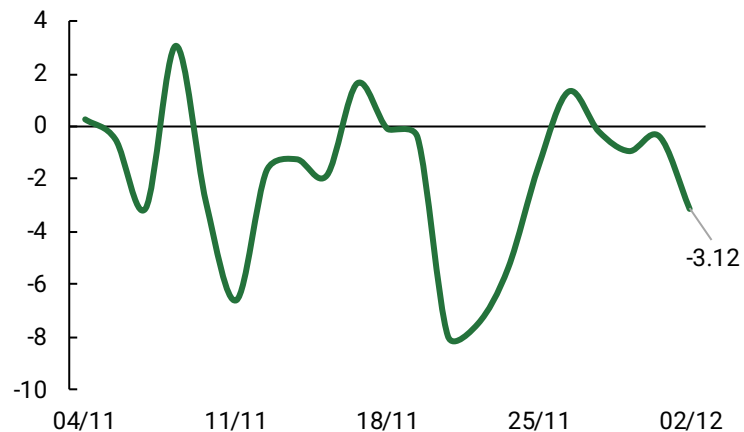
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



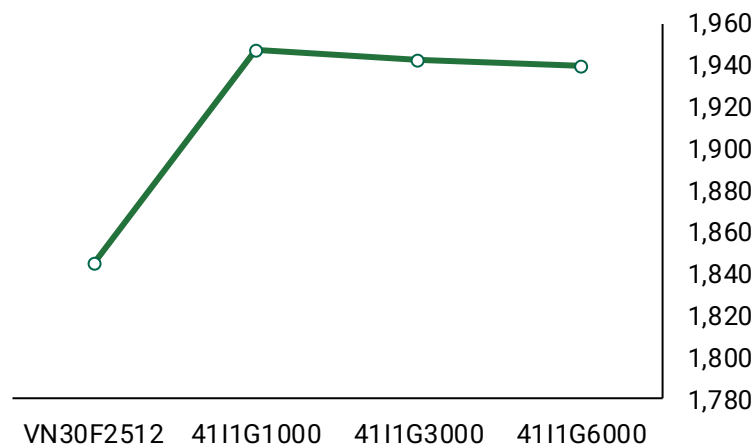
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



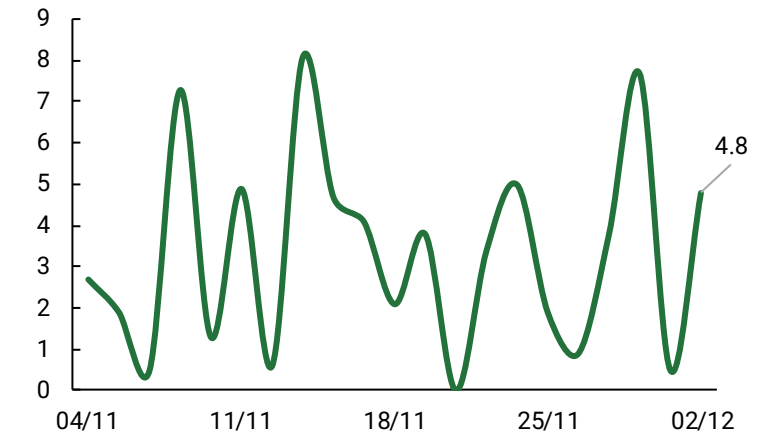
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	74,200	65,400	-11.9%	Bán
BCM	66,300	74,500	12.4%	Tăng tỷ trọng
CTD	83,900	91,400	8.9%	Nắm giữ
CTI	23,850	27,200	14.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	50,400	68,000	34.9%	Mua
DDV	26,169	35,500	35.7%	Mua
DGC	96,800	102,300	5.7%	Nắm giữ
DGW	43,100	48,000	11.4%	Tăng tỷ trọng
DPG	42,800	53,100	24.1%	Mua
DPR	38,450	46,500	20.9%	Mua
DRI	12,940	17,200	32.9%	Mua
EVF	11,900	14,400	21.0%	Mua
FRT	145,000	135,800	-6.3%	Giảm tỷ trọng
GMD	62,700	72,700	15.9%	Tăng tỷ trọng
HAH	61,000	67,600	10.8%	Tăng tỷ trọng
HDG	31,100	33,800	8.7%	Nắm giữ
HHV	14,250	12,600	-11.6%	Bán
HPG	26,500	12,600	-52.5%	Bán
IMP	50,400	55,000	9.1%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,550	22,700	-3.6%	Giảm tỷ trọng
MSH	33,800	43,100	27.5%	Mua
MWG	80,000	92,500	15.6%	Tăng tỷ trọng
NLG	35,200	39,950	13.5%	Tăng tỷ trọng
NT2	23,650	27,400	15.9%	Tăng tỷ trọng
PHR	57,000	72,800	27.7%	Mua
PNJ	91,600	95,400	4.1%	Nắm giữ
PVT	19,200	18,900	-1.6%	Giảm tỷ trọng
SAB	52,400	59,900	14.3%	Tăng tỷ trọng
TLG	63,400	59,700	-5.8%	Giảm tỷ trọng
TCB	34,200	35,650	4.2%	Nắm giữ
TCM	28,000	38,400	37.1%	Mua
TRC	78,300	95,800	22.3%	Mua
VCG	23,700	26,200	10.5%	Tăng tỷ trọng
VHC	57,000	60,000	5.3%	Nắm giữ
VNM	65,000	66,650	2.5%	Nắm giữ
VSC	22,000	17,900	-18.6%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

01/12	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
05/12	Việt Nam – FTSE công bố đảo danh mục Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp
06/12	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 11 và 11 tháng
09/12	Úc – RBA công bố lãi suất
10/12	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) Canada – BOC công bố lãi suất
11/12	Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành, Chỉ số giá sản xuất (PPI)
12/12	Việt Nam - Vaneck công bố danh mục
17/12	Mỹ - Doanh số bán lẻ
18/12	Việt Nam - Đảo hạn phái sinh Anh – BoE công bố lãi suất
19/12	Việt Nam - Quỹ ETF liên quan Vaneck và FTSE thực hiện tái cơ cấu danh mục Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất Mỹ - Công bố số cuối cùng GDP
31/12	Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC

THÔNG TIN VĨ MÔ

NHNN bơm ròng mạnh nhất trong 10 tháng: Trong tuần 24/11-01/12, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) mở rộng quy mô hỗ trợ thanh khoản hệ thống khi bơm ròng 98,980 tỷ đồng trên thị trường mở (OMO). Đây là tuần bơm ròng thứ 7 liên tiếp và cũng là mức cao nhất kể từ cuối tháng 1 năm nay. Thanh khoản hệ thống biến động kéo theo lãi suất liên ngân hàng tuần qua tăng vọt.

FED cảnh báo rủi ro lãi suất cao: Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đang tăng cường giám sát danh mục cho vay bất động sản thương mại của các ngân hàng cộng đồng và ngân hàng khu vực, trong bối cảnh lo ngại gia tăng về tác động của lãi suất cao, tiêu chuẩn xét duyệt tín dụng nghiêm ngặt hơn và sự sụt giảm giá trị bất động sản thương mại. Theo báo cáo giám sát và điều tiết vừa công bố ngày 1/12, Fed cho biết những yếu tố trên có thể làm suy yếu khả năng tái cấp vốn hoặc thanh toán các khoản vay đến hạn của khách hàng.

Mỹ xác nhận giảm thuế quan với Hàn Quốc xuống 15%: Hôm 1/12, Bộ trưởng Thương mại Mỹ Howard Lutnick xác nhận giảm thuế quan hàng nhập khẩu từ Hàn Quốc, bao gồm ô tô, xuống 15% có hiệu lực từ 01/11. Quyết định này đưa ra sau khi Hàn Quốc trình dự luật tại Quốc hội để thực hiện cam kết đầu tư chiến lược vào Mỹ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

CTG - VietinBank lên phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ hơn 44,6%: Ngân hàng dự kiến phát hành gần 2,4 tỷ cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ hơn 44,6%, tương ứng hơn 4,463 cổ phiếu mới trên 1 quyền sở hữu. Đã chi trả cổ tức tiền mặt 4,5% năm 2024, tổng 2,416.5 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 9 tháng đầu năm 2025 đạt 29,5 nghìn tỷ đồng, tăng 51,4% so với cùng kỳ. Tổng tài sản tăng 15,8%, dư nợ cho vay tăng 15,6%, nguồn vốn huy động tăng 10,5%. Lợi nhuận thuần trước chi phí dự phòng đạt 46,5 nghìn tỷ, tăng 4,1%.

GEG - Điện Gia Lai vượt 24% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2025: Công ty Điện Gia Lai ghi nhận doanh thu thuần 9 tháng đạt 2,408 tỷ đồng, tăng 36% nhờ Nhà máy Điện gió Tân Phú Đông 1. Lợi nhuận sau thuế đạt 850 tỷ đồng, gấp 11 lần cùng kỳ, vượt 24% kế hoạch năm. Biên lợi nhuận gộp, EBIT và EBITDA cao hơn trung bình ngành (59%, 59%, 85%). Tài chính vững mạnh với tổng tài sản 15,250 tỷ đồng, nợ vay giảm 9%, hệ số khả năng thanh toán lãi vay đạt 2,7 lần. GEC mở rộng dự án mới điện mặt trời và thủy điện, thể hiện định hướng tăng trưởng bền vững.

TNG hoàn thành 99% kế hoạch doanh thu năm sau 11 tháng: TNG đạt mức tăng trưởng hai chữ số trong bối cảnh thị trường dè dặt và xuất khẩu toàn cầu nhiều bất định, thể hiện khả năng thích ứng và đa dạng hóa thị trường, sản phẩm. Doanh thu 11 tháng hoàn thành 99% kế hoạch năm và dự kiến vượt kế hoạch sau tháng 12. Công ty kiểm soát tốt chi phí, quản lý vốn hiệu quả, đồng thời chi trả tổng cổ tức tiền mặt 22%, gồm 12% cho năm 2024 và 10% tạm ứng cho 2025, phản ánh sự ổn định dòng tiền và niềm tin lãnh đạo vào tăng trưởng tương lai.

CTD - Coteccons chuyển trọng tâm tăng trưởng sang chất lượng: Coteccons công bố kết quả kinh doanh Q1 năm tài chính 2026 với doanh thu 7,452 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 294 tỷ đồng, tăng lần lượt 56.6% và 216.7% so với cùng kỳ. Giá trị hợp đồng mới đạt 19,300 tỷ đồng, backlog 51,600 tỷ đồng - mức cao nhất lịch sử. Công ty tập trung chuyển đổi mô hình quản trị ExCom, tăng trưởng bền vững và trọng tâm ESG. Kế hoạch năm 2026 gồm doanh thu 30,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 700 tỷ đồng, ưu tiên chất lượng, giá trị lâu dài và mở rộng thị trường quốc tế.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415